TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HS-ST
Ngày 26 - 02 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Triệu Thị Máy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Tiến;

Bà Hoàng Thị Chiểu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông La Đăng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Hà Thị N; tên gọi khác: Không, sinh ngày 27 tháng 10 năm 1987, tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; (cha không xác định được), con bà Hà Thị T; có chồng là Đoàn Văn T, sinh năm 1985 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/11/2018 đến nay. Có mặt.

2. Nông Văn T; tên gọi khác: Không, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1986, tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; (cha không xác định được), con bà Nông Thị N; có vợ là Hoàng Thúy N, sinh năm 1980 và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành

chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/9/2018, tạm giam từ ngày 20/9/2018 đến nay. Có mặt.

3. Nông Văn C; tên gọi khác: Không, sinh ngày 30 tháng 3 năm 1982, tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; (cha không xác định được), con bà Nông Thị N; có vợ là Bạc Thị T, sinh năm 1978 và có 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/9/2018, tạm giam từ ngày 20/9/2018 đến nay. Có mặt.

4. Mông Văn Đ; tên gọi khác: Không, sinh ngày 27 tháng 6 năm 1987, tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; (cha không xác định được), con bà Mông Thị Đ; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/9/2018, tạm giam từ ngày 20/9/2018 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn C, Mông Văn Đ: Bà Chu Bích T, là trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Mông Thị Đ, sinh năm 1963, trú tại: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Nông Thị N. Có mặt;
2. Chị Hoàng Thúy N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 30 phút, ngày 16/9/2018 tại khu vực K thuộc thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, Công an huyện Tràng Định và Tổ công tác cơ động Đồn Biên phòng B bắt quả tang 03 nam thanh niên đi trên 03 xe mô tô, đi từ hướng cột mốc biên giới số 1041 cửa khẩu B - Lạng Sơn, xuống khu vực K có hành vi vận chuyển trái phép pháo nổ. Tổ công tác đã bắt giữ được Mông Văn Đ cùng xe mô tô và 02 thùng pháo; còn Nông Văn C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12V1-07449 cùng 02 thùng pháo quay lại hướng mốc 1041 chạy trốn, Nông Văn T bỏ lại xe mô tô biển kiểm soát 12V1-07448 cùng 02 thùng pháo và bỏ trốn. Qua khai thác ban đầu, Mông Văn Đ thừa nhận bản thân cùng với Nông Văn C vận chuyển pháo thuê cho Nông Văn T, mỗi chuyến Nông Văn T trả

công 100.000 đồng/thùng, hiện ở trên mốc 1041 còn 06 thùng cát tông chứa pháo nổ. Ngay sau đó, Tổ công tác đã cùng với Mông Văn Đ đến vị trí cất giấu và thu giữ 06 thùng pháo và đưa toàn bộ tang vật về trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn lập biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 21 giờ 40 phút ngày 16/9/2018.

Tài liệu, đồ vật thu giữ, tạm giữ gồm: 12 thùng cát tông bên trong chứa pháo nổ do Trung Quốc sản xuất, có tổng trọng lượng 273,5 kg đã được niêm phong; tạm thu giữ của Mông Văn Đ 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-07461, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG DOUS màu trắng; 01 đèn pin đeo đầu, dây đeo màu đen và 01 chứng minh nhân dân mang tên Mông Văn Đ; tạm thu giữ của Nông Văn T 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-07448 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng; tạm thu giữ của Nông Văn C 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-07449.

Tại bản kết luận giám định 06/KL-PC09, ngày 18/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Các mẫu vật gửi giám định đều có chứa thuốc pháo; khi đốt đều gây ra tiếng nổ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, ngày 06 tháng 11 năm 2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tràng định tiến hành bắt tạm giam đối với Hà Thị N, tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6S, màu vàng (gold).

Quá trình điều đã xác định được như sau: Hà Thị N sang Trung Quốc tìm mua hàng mỹ phẩm đem về Việt Nam bán, thì gặp và quen biết với một người đàn ông tên P (người Trung Quốc). Đến tháng 7/2018, P có rủ Hà Thị N mang pháo từ Trung Quốc vào Việt Nam và mang về Hải Dương tiêu thụ vào dịp tết nguyên đán, lời lãi chia đôi. Tháng 9/2018 thì Hà Thị N đồng ý cùng P lấy pháo về bán và thống nhất tối ngày 13/9/2018 sẽ lấy pháo từ Trung Quốc vào Việt Nam, qua mốc 1041 cửa khẩu B. Đến ngày 13/9/2018, Hà Thị N đi xe khách đến Lạng Sơn, Hà Thị N gọi điện thoại cho Nông Văn T và hẹn Nông Văn T buổi tối lên mốc 1041 cửa khẩu B thuộc thôn N, xã Đ, huyện T, Lạng Sơn chở pháo cho Hà Thị N, thì Nông Văn T đồng ý. Khi đến thành phố Lạng Sơn, Hà Thị N gọi điện thoại rủ người tên T1, người ở Hải Dương làm ăn trên Lạng Sơn đi cùng với lý do đi lấy mỹ phẩm, thì T1 đồng ý đi theo, rồi cả hai đi xe tắc xi từ thành phố Lạng Sơn đến nghỉ trọ tại ngã 3 K, thuộc thôn B, xã T, huyện V, Lạng Sơn. Đến 19 giờ cùng ngày, Hà Thị N cùng T1 đi xe ôm đến khu vực mốc 1041, thì gặp hai người đàn ông Trung Quốc (N không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) do P thuê vận chuyển pháo đến giao cho Hà Thị N. Sau khi trao đổi với hai người đàn ông Trung Quốc, Hà Thị N gọi điện thoại cho Nông Văn T đến vận chuyển các thùng pháo, và gọi người đàn ông tên C nhà ở Hải Dương (N không biết họ, địa chỉ cụ thể) là lái xe ô tô đến chở pháo. Sau khi nghe điện xong Nông Văn T đi xe mô tô lên mốc 1041 rồi cùng N, T1 và hai người đàn ông Trung Quốc bốc tổng cộng 12 thùng cát tông, từ phía Trung Quốc qua hàng rào sắt biên giới vào lãnh thổ Việt Nam. Do đường trơn, xe ô tô của C không thể đi lên mốc 1041 được, nên N và Nông Văn T thỏa thuận với nhau mấy hôm nữa trời nắng, T sẽ chở pháo xuống cầu K để bốc lên xe của Cp chở về Hải Dương rồi mới tính tiền công một thể. Giao hẹn xong, Nông Văn T, N và T1 cùng nhau giấu pháo vào

bụi rậm, cách biên giới khoảng 10 mét gần đó rồi đi về. Đến sáng ngày 16/9/2018, N gọi điện thoại hẹn T đến tối chở pháo rồi N đi xe khách lên Lạng Sơn, đến khoảng 17 giờ chiều cùng ngày N cùng T1 đi đến nhà T, tại đây, N đưa trước cho T số tiền 1.000.000 đồng tiền công và thỏa thuận tiền công chở pháo với T là 125.000đồng/thùng, tiền công dẫn đường là 500.000 đồng và bảo T gọi thêm người cùng vận chuyển pháo cho nhanh. Sau đó, T rủ thêm anh trai là Nông Văn C và Mông Văn Đ cùng đi, thì C, Đ nhất trí, sau đó T, C và Đ đi xe mô tô của mình đến chỗ cất giấu pháo ở mốc 1041. Tại đây, T nói rõ cho C và Đbiết toàn bộ 12 thùng cát tông bên trong chứa pháo nổ và thỏa thuận trả tiền công vận chuyển cho Mông Văn Đ là 100.000 đồng/thùng, còn C thì T đã nói trước mỗi thùng tiền công chở là 125.000 đồng. Cả ba thống nhất mỗi người sẽ chở 02 chuyến, mỗi chuyến 02 thùng pháo từ mốc 1041 xuống đường cái khu vực cầu K, sau khi vận chuyển xong mới trả tiền công một thể. Sau đó T, C và Đ bốc lên mỗi xe máy 02 thùng pháo, rồi vận chuyển đến khu vực K thuộc thôn N, xã Đ, huyện T, Lạng Sơn, thì bị Công an huyện Tràng Định và Tổ công tác cơ động Đồn Biên phòng Bình Nghi phát hiện bắt quả tang.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 23/01/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn để xét xử bị cáo Hà Thị N về tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn C và Mông Văn Đ về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Hà Thị N, Nông Văn T, Nông Văn C và Mông Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, như cáo trạng đã nêu. Các bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo Hà Thị N, Nông Văn T, Nông Văn C và Mông Văn Đ, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Thị N. Tuyên bố bị cáo Hà Thị N phạm tội "Buôn bán hàng cấm". Đề nghị xử phạt bị cáo Hà Thị N mức án từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù giam. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 191, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn C và Mông Văn Đ. Tuyên bố các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn C và Mông Văn Đ phạm tội "Vận chuyển hàng cấm". Đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn T mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù giam, các bị cáo Nông Văn C, Mông Văn Đ mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, vì các bị cáo không có tài sản gì.

Về xử lý vật chứng của vụ án đề nghị tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số pháo đã niêm phong; tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-07461 của Mông Văn Đ, 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-07448, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng thu giữ của Nông Văn T; 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-07449 thu giữ của Nông Văn C, đây là phương tiện của các

bị cáo dùng để chở pháo nổ và liên lạc vận chuyển pháo; đối với 01 đèn pin đeo đầu, không có giá trị tịch thu, tiêu hủy. Đề nghị trả lại cho bị cáo Mông Văn Đ 01 điện thoại, và 01 chứng minh nhân dân mang tên Mông Văn Đ, vì không liên quan đến việc phạm tội; trả lại cho bị cáo Hà Thị N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6S, xét thấy đây là tài sản của Hà Thị N mua sau thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, không liên quan đến hành vi buôn bán hàng cấm. Truy thu số tiền 1.000.000 của bị cáo Nông Văn T, là tiền công vận chuyển pháo, để sung quỹ Nhà nước.

Người bào chữa cho các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn C và Mông Văn Đ tại phiên tòa, nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, về nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 191, điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị, đề nghị trả lại cho bị cáo Mông Văn Đ 01 điện thoại, 01 chứng minh nhân dân, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi cấu thành tội phạm của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Tại phiên tòa các bị cáo Hà Thị N, Nông Văn T, Nông Văn C và Mông Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với lời khai của người làm chứng và tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng tháng 9/2018, Hà Thị N và người đàn ông Trung Quốc tên P cùng nhau thống nhất mua pháo từ Trung Quốc vận chuyển về Việt Nam, mang về nhà Hà Thị N ở Hải Dương để bán kiếm lời trong dịp tết nguyên đán, tiền lãi chia đôi. Ngày 13/9/2018, sau khi vận chuyển 12 thùng cát tông bên trong chứa pháo nổ từ Trung Quốc vào lãnh thổ Việt Nam cất giấu ở khu vực cột mốc 1041 cửa khẩu B - Lạng Sơn, Hà Thị N thuê Nông Văn T vận chuyển số pháo trên từ trên mốc 1041 xuống khu vực cầu K để bốc lên xe ô tô vận chuyển về Hải Dương với giá 125.000 đồng/thùng và 500.000 đồng tiền công dẫn đường. Nông Văn T biết rõ toàn bộ số hàng vận chuyển là pháo nổ nhưng vẫn đồng ý vận chuyển thuê cho Hà Thị N để lấy tiền công, đồng thời Nông Văn T rủ thêm Nông Văn C, Mông Văn Đ cùng tham gia vận chuyển pháo nổ, Nông Văn C,

Mông Văn Đ cũng biết các thùng cát tông có chứa pháo nổ. Đến khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 16/9/2018 Nông Văn T, Nông Văn C và Mông Văn Đ đi mỗi người 01 xe mô tô đến vị trí cất giấu pháo ở khu vực mốc 1041 và cùng thống nhất mỗi người chở 02 chuyến, mỗi chuyến 02 thùng cát tông đựng pháo nổ. Cả ba vận chuyển pháo nổ chuyến đầu tiên từ trên mốc 1041 xuống khu vực K thuộc thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, thì bị Công an huyện Tràng Định và Tổ công tác cơ động Đồn Biên phòng Bình Nghi phát hiện, bắt giữ. Qua cân xác định trọng lượng toàn bộ số pháo thu giữ có tổng trọng lượng 273,5 kg, qua giám định đều có chứa thuốc pháo; khi đốt đều gây ra tiếng nổ. Do đó, có căn cứ để khẳng định bị cáo Hà Thị N phạm tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn C và Mông Văn Đ phạm tội "Vận chuyển hàng cấm" theo điểm c khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Hà Thị N về tội "Buôn bán hàng cấm"; các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn C và Mông Văn Đ về tội "Vận chuyển hàng cấm", là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về vai trò của từng bị cáo: Các bị cáo thực hiện hành vi có đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Hà Thị N cùng người tên P (người Trung Quốc) thống nhất mua pháo vận chuyển vào Việt Nam, để mang về Hải Dương bán lấy tiền chia nhau và thỏa thuận với bị cáo Nông Văn T tiền công vận chuyển pháo, nên bị cáo Hà Thị N phải chịu trách nhiệm hình sự về tội buôn bán hàng cấm và phải chịu mức án nặng hơn, bị cáo Nông Văn Tình là người giúp sức tích cực thể hiện ở chỗ dẫn đường, thỏa thuận và nhận tiền công với bị cáo Hà Thị N, chủ động rủ rê bị cáo Nông Văn C, Mông Văn Đ cùng tham gia vận chuyển pháo, nên bị cáo Nông Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn các bị cáo Nông Văn C, Mông Văn Đ, nhưng các bị cáo Nông Văn C, Mông Văn Đ cũng biết được là pháo, không những không can ngăn mà cùng tham gia vận chuyển, nên cũng phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tại địa phương và xã hội, nhất là pháo nổ mà Đảng và Nhà nước đã cấm từ rất lâu, các bị cáo cũng biết được là pháo nổ là hàng cấm, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử lý nghiêm áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo và phòng ngừa giáo dục chung. Tuy vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đánh giá về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo.

[5] Về nhân thân: Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo Hà Thị N chưa có tiền án, tiền sự. Ngoài tình tiết tăng nặng định khung, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có 02 con còn nhỏ (con lớn mới sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011 ở

với bà nội tuổi đã cao), chồng đi cải tạo, nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, của các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn C và Mông Văn Đ chưa có tiền án, tiền sự. Ngoài tình tiết tăng nặng định khung, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại biên giới của huyện V, tỉnh Lạng Sơn, hiểu biết pháp luật hạn chế, do muốn có tiền phục vụ nhu cầu cuộc sống, các bị cáo đã đi vận chuyển pháo thuê, để lấy tiền công, nên đã phạm tội. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 190 Bộ luật Hình sự thì "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng" và khoản 4 Điều 191 Bộ luật Hình sự thì "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Hà Thị N ở cùng mẹ chồng, có 02 con nhỏ, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì (thể hiện tại biên bản xác minh ngày 20/11/2018, bị cáo Nông Văn T có 4.073 m^2 nông nghiệp giá trị thấp, bị cáo Nông Văn C gia đình thuộc diện cận nghèo, bị cáo Mông Văn Đ ở cùng mẹ đẻ không có tài sản gì có trị (thể hiện tại các biên bản xác minh ngày 29/10/2018). Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Đối với người đàn ông Trung Quốc tên P và hai người đàn ông Trung Quốc được P thuê vận chuyển pháo nổ đến mốc biên giới 1041 cho Hà Thị N, do không xác định được họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể và là người Trung Quốc, nên cơ quan điều tra không tiến hành xác minh làm rõ được.

[9] Đối với người đàn ông tên là T1 và C quê ở Hải Dương không rõ họ tên tuổi, địa chỉ cụ thể, quá trình điều tra đã xác định được T1 không biết 12 thùng cát tông đó, bên trong đựng pháo nổ vì N chỉ nói với T1 là đi nhập hàng mỹ phẩm. Còn đối tượng tên C là người được N thuê đến mốc 1041 vận chuyển các thùng pháo về Hải Dương tiêu thụ, nhưng C không biết đó là pháo nổ vì N thuê C đi vận chuyển hàng mỹ phẩm, mặt khác Cp cũng chưa thực hiện vận chuyển pháo cho Hà Thị N. Do đó chưa đủ căn cứ để xử lý T1 và C trong vụ án này.

[10] Đối với bà Mông Thị Đ là mẹ của bị cáo Mông Văn Đ cho biết không xác định được cha của bị cáo và không biết con là Mông Văn Đ đi vận chuyển pháo nổ, nên không liên quan.

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị mức án, xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[12] Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn C và Mông Văn Đ tại phiên tòa, đề nghị xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị. Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

[13] Về vật chứng của vụ án Hội đồng xét xử xét thấy: Toàn bộ số pháo thu giữ khi đã trích mẫu giám định được niêm phong trong 10 thùng cát tông và 02

bao tải màu vàng sẫm, bên trong chứa pháo nổ do Trung Quốc sản xuất, là hàng Nhà nước cấm, tịch thu, tiêu hủy; đối 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-07461 thu giữ của Mông Văn Đ, 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-07448, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng thu giữ của Nông Văn T; 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-07449 thu giữ của Nông Văn C, đây là phương tiện của các bị cáo dùng để chở pháo nổ và điện thoại của bị cáo Nông Văn T đã dùng liên lạc vận chuyển pháo, nên tịch thu hóa giá, sung quỹ Nhà nước; đối với 01 đèn pin đeo đầu, dây đeo màu đen, thu giữ của Mông Văn Đ, xét thấy không có giá trị, tịch thu, tiêu hủy; đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG DOUS màu trắng và 01 chứng minh nhân dân, thu giữ của Mông Văn Đ, xét thấy không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo Mông Văn Đ; đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6S, màu vàng (gold) thu giữ của Hà Thị N, xét thấy đây là tài sản của Hà Thị N mua sau thời điểm phạm tội, không liên quan đến hành vi buôn bán hàng cấm, nên trả lại cho bị cáo Hà Thị N. Truy thu số tiền 1.000.000 của bị cáo Nông Văn T, là tiền công vận chuyển, để sung quỹ Nhà nước.

[14] Về án phí: Các bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Thị N.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 191, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn C và Mông Văn Đ.

1. Tuyên bố bị cáo Hà Thị N phạm tội: Buôn bán hàng cấm. Các bị cáo Nông Văn T, Nông Văn C và Mông Văn Đ phạm tội: Vận chuyển hàng cấm.

1- Xử phạt bị cáo Hà Thị N 08 (tám) năm 06 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 11 năm 2018.

2- Xử phạt bị cáo Nông Văn T 07 (bảy) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

3- Xử phạt bị cáo Nông Văn C 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

4- Xử phạt bị cáo Mông Văn Đ 05 (năm) năm 06 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 9 năm 2018.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 1, điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy gồm: Toàn bộ số pháo thu giữ khi đã trích mẫu giám định được niêm phong trong 10 thùng cát tông và 02 bao tải màu vàng sẫm; 01 đèn pin đeo đầu, dây đeo màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Mông Văn Đ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG DOUS màu trắng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Mông Văn Đ.

- Trả lại cho bị cáo Hà Thị N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6S, màu vàng (gold).

- Tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-07461, 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-07448, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 12V1-07449.

(các vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, theo biên bảo giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án ngày 28 tháng 01 năm 2019).

- Truy thu sung quỹ Nhà nước: 1.000.000 (một triệu đồng) của bị cáo Nông Văn T.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Hà Thị N, Nông Văn T, Nông Văn C và Mông Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Triệu Thị Máy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- CQ điều tra Công an huyện Tràng Định;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.